


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SODIUM SULPHATE

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 7757- 82- 6 Số UN: Số đăng ký EC: 231- 820- 9 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: sodium sulphate	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: sodium sulphate	
Tên khác (không là tên khoa học): muối sunfat, natri sunfat	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN 30/17 Đường HT31, KP01, p.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: (08).6683.3399 – 6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: sử dụng rộng rãi trong công nghiệp tẩy rửa, xử lý nước, dệt nhuộm, ...	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium Sulphate	7757- 82- 6	Na ₂ SO ₄	99%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

<p>1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...):</p> <p>2. Cảnh báo nguy hiểm: không có thông tin</p> <p>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</p> <ul style="list-style-type: none">- Đường mắt : có thể gây kích ứng mắt, triệu chứng bị đỏ và đau.- Đường thở : có thể gây kích ứng đường hô hấp. có thể có hại nếu hít phải. hít bụi có thể gây kích ứng mũi và cổ họng.- Đường da : có thể gây kích ứng da. Có thể gây kích ứng da, dị ứng mà trở thành hiện nhiên khi cho vật liệu này. Có thể có hại nếu được hấp thụ qua da.- Đường tiêu hóa : có thể gây kích ứng đường tiêu hóa. Có thể gây buồn nôn và ói mửa. có thể có hại nếu nuốt phải.
--

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

<p>1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):</p> <p>Rửa mắt với thật nhiều nước trong thời gian ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng nháy mắt. Đến ngay chăm sóc y tế.</p>
--



2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Rửa da với thật nhiều nước trong thời gian ít nhất 15 phút trong khi cởi bỏ quần áo và giày dép. Đến chăm sóc y tế.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Di chuyển nạn nhân từ nơi tiếp xúc đến nơi thoáng khí. Nếu không thể thở hô hấp nhân tạo, nếu việc thở gặp khó khăn cung cấp thêm khí oxi. Đưa ngay đến chăm sóc y tế.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Xúc miệng với nước và đến chăm sóc y tế.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có): Điều trị theo triệu chứng.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. **Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): không dễ cháy.

2. **Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** không có thông tin

3. **Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...)

4. **Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**

Như trong mọi ngọn lửa.

5. **Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**

Mặc đầy đủ quần áo bảo hộ và thiết bị thở bình hơi.

6. **Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có): Không dùng nước được xịt thành vòi.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. **Thông tin chung:** Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp.

2. **Khi tràn lan/ rò rỉ:** máy hút bụi hoặc quét lên vật chất và vị trí vào một bình chứa xử lý phù hợp, tránh tạo điều kiện bụi bặm.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. **Xử lý:** Tránh hít bụi, hơi nước, sương mù hoặc khí. Tránh tiếp xúc với da và quần áo.

2. **Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản** (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...): Lưu trữ ở nơi khô thoáng. Lưu trữ trong bao bì kín.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. **Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...):

Sử dụng thông gió đầy đủ để duy trì nồng độ trong không khí thấp.

2. **Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**

- Bảo vệ mắt: mang kính bảo hộ chống hóa chất văng

- Bảo vệ thân thể: mặc đồ bảo hộ lao động thích hợp để ngăn chặn tiếp xúc với da.

- Bảo vệ tay: mang găng tay thích hợp để ngăn chặn tiếp xúc với da

- Bảo vệ chân: mang giày bảo hộ thích hợp.

3. **Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**

4. **Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): bồn rửa mặt và vòi tắm

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT



Trạng thái vật lý: chất rắn	Điểm sôi (⁰ C): >1700 ⁰ C @ 760 mmHg
Màu sắc: trong suốt: trắng mịn	Điểm nóng chảy (⁰ C): 884 ⁰ C (1.623. 20 ⁰ F)
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (⁰ C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy (⁰ C): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ hòa tan trong nước: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ pH: 5.0- 8.0 (5% aq.sol)	Tỷ lệ hóa hơi: không có sẵn
Khối lượng riêng (kg/m ³): không có sẵn	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...)

Ổn định ở nhiệt độ bình thường và áp lực. Hút ẩm: hấp thụ ẩm hoặc nước từ không khí.
- Khả năng phản ứng:**
 - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy : oxit của lưu huỳnh, natri oxit.
 - Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): vật liệu không tương thích, gây bụi, tiếp xúc với không khí ẩm hoặc nước.
 - Các chất (có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): tác nhân oxi hóa mạnh, axit mạnh, nhôm, magiê.
 - Phản ứng trùng hợp : Sự polymer hóa nguy hiểm không xảy ra.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Sodium sulphate	LD 50 = 5989 mg/kg	Chưa có thông tin	Đường miệng	Chuột

- Các ảnh hưởng mãn tính với người** (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)
Sodium sulphate không được liệt kê như một chất gây ung thư bởi ACGIH, IARC, NTP hoặc CA.
- Các ảnh hưởng độc khác:** chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Sodium sulphate	Cá	LC 50: 13.5 g/l/95h	Độc
	Diphnia	EC 50: 4547 mg/l/100H	
	rong	EC 50: 1900 mg/l/5d	

- Tác động trong môi trường**
 - Mức độ phân hủy sinh học: chất vô cơ, không phân hủy sinh học
 - Chỉ số BOD và COD
 - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: không có thông tin
 - Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: không có thông tin

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- Thông tin quy định tiêu hủy** (thông tin về luật pháp)

Xử lý chất thải một cách phù hợp với liên bang, tiểu bang và các quy định của địa phương.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: 3

3. Biện pháp tiêu hủy: Thu hồi hoặc tái chế nếu có thể

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý



XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.		Sodium Sunphate		50kg/bao		
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 14-07-2014

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 02-03-2016

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc

TM CÔNG TY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN

Giám Đốc

